

**“CHƯA TÍNH HIỆU QUẢ, CHỈ CẦN ĐÚNG ĐỊA CHỈ”:
NHỮNG BẤT CẬP TRONG THỰC HIỆN GIẢM NGHÈO Ở BIÊN GIỚI
VIỆT NAM - LÀO TỈNH QUẢNG NAM¹**

TS. Trần Hồng Thu

Viện Dân tộc học

Email: tranhongthu74@yahoo.com

Tóm tắt: Địa bàn biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam là nơi có nhiều tộc người thiểu số sinh sống, tỷ lệ đói nghèo cao. Những năm qua, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo đã được thực hiện tại địa phương, đạt một số kết quả trong xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ hộ nghèo. Song, việc triển khai các chương trình giảm nghèo tại địa phương vẫn còn nhiều bất cập, dẫn đến tỷ lệ nghèo vẫn ở mức cao, việc giảm nghèo chưa bền vững. Dựa trên tư liệu thực địa tại các địa phương thuộc vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam, bài viết phân tích thực trạng nghèo, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo và những bất cập trong thực hiện chính sách, ảnh hưởng đến hiệu quả giảm nghèo; từ đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả giảm nghèo nơi đây.

Từ khóa: Giảm nghèo, chính sách, biên giới Việt Nam - Lào, Quảng Nam.

Abstract: The Vietnam-Laos border area in Quang Nam province is home to many ethnic minorities with a high poverty rate. In recent years, socio-economic development and poverty reduction programs have been implemented locally, achieving some results in building infrastructure, supporting people in production development, and reducing the poverty rate. However, the implementation of these programs still has many shortcomings, leading to a persistently high poverty rate and unsustainable poverty reduction. Based on field data from the Vietnam-Laos border communes in Quang Nam province, this article analyses the current situation of poverty, the implementation of poverty reduction policies, and the shortcomings in policy implementation that affect the effectiveness of poverty reduction. It also provides policy recommendations to improve the effectiveness of poverty reduction efforts in the area.

Keywords: Poverty reduction, policy, Vietnam-Laos border, Quang Nam.

Ngày nhận bài: 8/7/2024; ngày gửi phản biện: 15/7/2024; ngày duyệt đăng: 19/8/2024.

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ (2023 - 2024): “Nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế cho một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam hiện nay”, do TS. Trần Hồng Thu làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

Mở đầu

“Hiệu quả ít”, “Không hiệu quả” là những câu trả lời mà nhóm nghiên cứu nhận được khi phỏng vấn các hộ nghèo về các hỗ trợ mà người dân nhận được từ thực hiện các chính sách giảm nghèo của Nhà nước tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào ở hai huyện Tây Giang và Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Nơi đây có 14 xã với đường biên giới khoảng 142,5km, tiếp giáp tỉnh Sê Kông của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, là địa bàn chiến lược về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại. Địa bàn biên giới này có hơn 10 tộc người sinh sống: đông nhất là người Cơ Tu (chiếm hơn 90% dân số huyện Tây Giang và hơn 50% dân số huyện Nam Giang), tiếp theo là người Giê Triêng và người Kinh (mỗi tộc người có hơn 1.000 hộ gia đình) và một số ít hộ gia đình các tộc người Mường, Thái, Tày, Xơ Đăng (nhóm Ca Dong), Hrê và Tà Ôi.

Tuy là địa bàn chiến lược nhưng tại biên giới tỉnh Quảng Nam lại có tỷ lệ hộ nghèo rất cao: 50,61% ở huyện Tây Giang, 35,58% ở huyện Nam Giang (Quyết định số 134/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2024). Những năm qua, nơi này nhận được quan tâm rất lớn của Đảng, Nhà nước, chính quyền tỉnh và các tổ chức khác về công tác giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân. Hàng năm, nhiều tỷ đồng đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các mô hình kinh tế mới, hỗ trợ cây, con giống..., để phát triển kinh tế, giảm nghèo. Tuy đạt được thành tựu về phát triển hạ tầng, đời sống người dân nâng cao hơn, song quá trình thực hiện giảm nghèo nơi đây cũng bộc lộ không ít bất cập, ảnh hưởng đến hiệu quả và mục tiêu các chương trình, khiến tỷ lệ hộ nghèo vẫn giảm chậm qua các năm.

Dựa vào nguồn tư liệu thực địa trong hai năm 2023 và 2024 tại một số xã biên giới thuộc hai huyện Tây Giang và Nam Giang², bài viết tập trung phân tích một số bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chính sách giảm nghèo ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào tỉnh Quảng Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả giảm nghèo nơi đây.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại: xã A Tiêng và Tr'hy của huyện Tây Giang, La Dêê và Đăk Tôi thuộc huyện Nam Giang. Tây Giang là huyện biên giới phía tây tỉnh Quảng Nam được thành lập năm 2003 từ việc chia tách huyện Hiên theo Nghị định số 72/2003/NĐ-CP ngày 20/6/2003 của Chính phủ, hiện nay có 10 đơn vị hành chính cấp xã với tổng diện tích 90.120ha, phía đông giáp huyện Đông Giang, phía tây giáp Lào, phía nam giáp huyện Nam Giang, phía bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế. Huyện có 8 xã biên giới, 67km đường biên, nơi địa hình đồi núi với nhiều sông, suối. Toàn huyện có 5.490 hộ/21.409 khẩu, dân tộc Cơ Tu

² Trong quá trình khảo sát thực địa, đoàn nghiên cứu đã thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với cán bộ lãnh đạo hai huyện Tây Giang và Nam Giang, Phòng Dân tộc, Phòng Kinh tế hạ tầng, Phòng Nông nghiệp của hai huyện trên, Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 207, lãnh đạo và các cán bộ chuyên trách các xã được khảo sát, ban quản lý và hơn 50 người dân ở các thôn trong xã.

chiếm hơn 95% dân số huyện, còn lại là dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số (DTTS) khác (UBND huyện Tây Giang, 2023a). Trong các xã biên giới của huyện Tây Giang, có 4 xã biên giới vùng thấp là A Nông, A Tiêng, Bhalêê, A Vương; 4 xã biên giới vùng cao là Tr'hy, A Xan, Ga Ri, Ch'Om.

A Tiêng là xã trung tâm hành chính thuộc huyện Tây Giang, phía đông giáp xã Bhalêê, phía tây giáp Lào, phía nam giáp xã Dang, phía bắc giáp xã Anông. Xã có diện tích tự nhiên 5.998,12ha, gồm: đất nông nghiệp 871,21ha, đất lâm nghiệp 4.650,66ha (rừng sản xuất 1.551,88ha, rừng phòng hộ 3.098,78ha), đất phi nông nghiệp 133,72ha, đất chưa sử dụng 240,29ha. Toàn xã có 80% diện tích là đồi núi cao, bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông, suối dày đặc; xen lẫn giữa các dãy núi là những thung lũng nhỏ, đất sản xuất nông nghiệp, khu dân cư. Dân số của xã A Tiêng năm 2022 là 3.208 người/887 hộ, trong đó người Cơ Tu là chủ yếu với 2.437 người, chiếm tỷ lệ 75,96%; người Kinh 771 người, chiếm tỷ lệ 24,04% (UBND xã A Tiêng, 2022). Tr'hy là xã vùng cao biên giới huyện Tây Giang, cách trung tâm huyện 25km; phía đông giáp xã Lăng, phía tây giáp xã Axan, phía nam giáp xã Chơ Chun của huyện Nam Giang, phía bắc giáp Lào. Diện tích toàn xã Tr'hy là 8.930,59ha, trong đó: đất nông nghiệp 841,9ha, đất phi nông nghiệp 251,47ha. Có tới 85% diện tích xã Tr'hy là núi cao hiểm trở, độ cao trung bình 800m - 1.500m, xen lẫn là các thung lũng nhỏ, đất nông nghiệp, khu dân cư. Địa hình bị chia cắt mạnh bởi hai con sông và 8 con suối nhỏ, gây khó khăn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí dân cư và sản xuất nông nghiệp. Dân số xã Tr'hy năm 2022 là 1.509 người/390 hộ, hầu hết là dân tộc Cơ Tu (UBND xã Tr'hy, 2023).

Nam Giang là huyện miền núi biên giới tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Tam Kỳ 120km và thành phố Đà Nẵng 70km, phía bắc giáp hai huyện Tây Giang và Đông Giang, phía đông giáp hai huyện Đại Lộc và Nông Sơn, phía nam giáp huyện Phước Sơn và tỉnh Kon Tum, phía tây giáp huyện Đăk Chung thuộc tỉnh Sê Kông của Lào với đường biên giới dài 90,364km. Huyện có diện tích tự nhiên là 1.846,59km², địa hình chủ yếu là đồi núi dốc, bị chia cắt bởi nhiều sông suối, vì thế diện tích đất rừng chiếm tỷ lệ khá lớn. Toàn huyện có hơn 29.129 người/7.366 hộ, trong đó các dân tộc tại chỗ như Cơ Tu, Giê Triêng..., chiếm khoảng 80%, các dân tộc khác như Kinh, Tày, Nùng chủ yếu sống ở thị trấn Thạnh Mỹ và các xã vùng thấp. Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính, gồm 11 xã và 01 thị trấn, trong đó có 06 xã biên giới (Báo cáo của UBND huyện Nam Giang tại buổi làm việc với Viện Dân tộc học năm 2023).

La Dêê là 1 trong 6 xã biên giới của huyện Nam Giang, cách huyện lỵ 70km, phía đông bắc giáp xã Chà Val, đông nam giáp xã Đăk Tôi, tây nam giáp Lào, tây bắc giáp xã La Êê. Xã có diện tích tự nhiên là 11.023,05ha, trong đó: đất nông, lâm nghiệp 10.800,29ha (đất trồng lúa 267,46ha, đất trồng cây hàng năm 765,80ha, đất trồng cây lâu năm 379,84ha; đất rừng phòng hộ 1.957,20ha, đất rừng đặc dụng 4.167,28ha, rừng sản xuất 3.262,48ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,24ha); đất phi nông nghiệp 152,47ha; đất chưa sử dụng 70,30ha. Độ

che phủ rừng đạt 56,4%. Xã có 60% diện tích tự nhiên là đồi núi trung bình, 40% đồi núi thấp; địa hình bị chia cắt mạnh bởi nhiều sông, suối. Năm 2021 toàn xã La Dêê có 1.730 người/452 hộ, trong đó 98,38% là người Giẻ Triêng (nhóm Tà Riêng) và người Cơ Tu, còn lại là một số dân tộc như Kinh, Mường, Co và nhóm Ca Dong với tỷ lệ không đáng kể (Ban Chấp hành Đảng bộ xã La Dêê, 2023). Đắc Tôi là xã biên giới, được tách ra từ xã La Dêê theo Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 10/01/2011 của Chính phủ; phía đông giáp xã Đắc Pre, phía tây giáp xã La Dêê, phía nam giáp Lào; phía bắc giáp xã Chà Val. Xã có diện tích tự nhiên 7.457,91ha, gồm: đất nông nghiệp 579,51ha, đất lâm nghiệp 6.417,55ha, đất phi nông nghiệp 64,55ha (đất ở 7,78ha, đất chuyên dùng 28,98ha, nghĩa địa 2,29ha, sông suối 25,5ha), đất chưa sử dụng 424,54ha. Toàn xã có 04 thôn, với 272 hộ/1.089 khẩu, gồm 99% là người Giẻ Triêng (nhóm Tà Riêng) (UBND xã Đắc Tôi, 2024).

2. Thực trạng nghèo và tình hình triển khai thực hiện các chương trình giảm nghèo

Hai huyện biên giới Tây Giang và Nam Giang của tỉnh Quảng Nam đều nằm trong danh sách 74 huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Như đã đề cập, năm 2023 huyện Tây Giang có tỷ lệ nghèo đa chiều cao nhất tỉnh, cụ thể là 53,37% (tỷ lệ nghèo: 50,61%; cận nghèo: 2,76%), huyện Nam Giang có tỷ lệ 43,66% hộ nghèo đa chiều (tỷ lệ nghèo: 35,58%; cận nghèo: 8,08%) (Quyết định số 134/QĐ-BLĐT BXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2024). Tỷ lệ này còn cao hơn ở các xã biên giới. Theo kết quả rà soát hộ nghèo năm 2023 của huyện Tây Giang, 4 xã biên giới đều có tỷ lệ nghèo trên 50% như: Tr'hy 50,25%; A Xan 58,64%; Ga Ri 62,16%; Ch'Om 66,18%. Các xã vùng thấp có tỷ lệ nghèo thấp hơn, chẳng hạn xã A Tiêng chỉ có 32,19% do xã này có địa hình khá bằng phẳng và là trung tâm hành chính của huyện, có đông người Kinh cư trú. Ở huyện Nam Giang, các xã biên giới cũng có tỷ lệ hộ nghèo cao, như xã La Dêê năm 2022 chiếm tới 48,89% (UBND xã La Dêê, 2023) và xã Đắc Tôi là 43,38% (UBND xã Đắc Tôi, 2024), vì thế cao hơn nhiều so với tỷ lệ nghèo trung bình của huyện.

Những năm qua, hai huyện Tây Giang và Nam Giang đã được thụ hưởng nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo cho người dân. Ngoài các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo của Trung ương như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (chương trình 1719), hai huyện này còn thụ hưởng nhiều chương trình, chính sách khác của Trung ương và địa phương. Đó là: các chương trình, dự án phát triển hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ cây, con giống, phân bón; hỗ trợ ổn định phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cộng đồng; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, đối tượng người có công; chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào DTTS; cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào DTTS giai đoạn

2015 - 2020;... Chưa kể tới các chính sách cho vay phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào DTTS vùng đặc biệt khó khăn; chương trình chính sách vay vốn cho hộ nghèo, cận nghèo, đào tạo nghề; chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và kêu gọi thu hút đầu tư vào địa bàn huyện; chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, định hướng một số dự án quan trọng tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam;... Qua đó, việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo của Trung ương và địa phương cũng đã đạt được nhiều kết quả, cụ thể như sau:

- Xây dựng mới, duy tu và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt tại các xã vùng cao, biên giới, nơi kinh tế - xã hội còn chậm phát triển, bao gồm đường giao thông về trung tâm xã, giao thông nông thôn,...; hệ thống công trình kênh mương, thủy lợi phục vụ tưới tiêu; hệ thống trường học, trạm y tế tuyến xã,... Chẳng hạn huyện Nam Giang, giai đoạn 2019 - 2022, đã đầu tư cho hạng mục này 911,650 tỷ đồng/85 công trình, từ nguồn kinh phí chủ yếu là các chương trình chính sách của Trung ương; vì thế 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trên 90% số thôn có đường giao thông được bê tông hóa, các xã có điện lưới quốc gia (UBND huyện Nam Giang, 2023). Riêng huyện Tây Giang, năm 2022 đã nhận được đầu tư khoảng 69 tỷ đồng cho xây dựng mới 28 công trình cơ sở hạ tầng (UBND huyện Tây Giang, 2022); hiện nay 100% các xã có đường ô tô đến trung tâm huyện, 61/63 thôn có đường ô tô đi được vào mùa nắng, 10/10 xã có điện lưới quốc gia (UBND huyện Tây Giang, 2024).

- Đầu tư hỗ trợ nhà ở, bố trí sắp xếp dân cư. Do địa hình dốc và chia cắt mạnh, bị sạt lở nhiều sau mưa lũ nên việc bố trí, sắp xếp dân cư là một trong những ưu tiên của các huyện biên giới tỉnh Quảng Nam, bao gồm san ủi mặt bằng, sắp xếp dân cư và hỗ trợ nhà ở cho người dân, qua đó giúp người dân ổn định nơi ở để an tâm lao động sản xuất, sinh sống gắn bó lâu dài tại địa phương. Cụ thể như huyện Nam Giang, giai đoạn 2019 - 2022 đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng tái định cư, hỗ trợ di dời nhà cửa cho 761 hộ dân đồng bào DTTS, với tổng kinh phí thực hiện là 34,824 tỷ đồng (trong đó, có 259 hộ thuộc 6 xã biên giới/14,804 tỷ đồng). Ngoài ra, huyện còn thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, người có công cách mạng được 848 lượt hộ/22,453 tỷ đồng từ các nguồn chương trình, chính sách hỗ trợ của Chính phủ, của tỉnh, đối ứng của huyện (UBND huyện Nam Giang, 2023). Huyện Tây Giang, trong ba năm 2021 - 2023 đã sắp xếp dân cư được 410 hộ, trong đó sắp xếp tập trung 252 hộ, xen ghép 158 hộ; xóa nhà tạm cho 595 hộ (UBND huyện Tây Giang, 2024).

- Xây dựng các mô hình kinh tế, hỗ trợ phát triển sản xuất, cấp cây, con giống cho các hộ nghèo và hộ DTTS vùng đặc biệt khó khăn. Trong giai đoạn 2019 - 2022, huyện Nam Giang đã hỗ trợ, cấp phát cho nhân dân 1.958 triệu keo giống các loại (giống keo Úc 620.000 cây), 111.000 giống cây đinh lăng và ba kích tím, 9.185 cây bưởi da xanh chiết và 10.511 cây bưởi da xanh ghép, 60 con heo cỏ giống địa phương, 230 con bò giống, 400kg muối iốt, 2.418kg rau giống và đậu các loại, 1.905 nông cụ các loại, 32.500m ống dẫn nước, 93 máy nông

ng nghiệp phục vụ sản xuất, 14,9 tấn phân bón với tổng kinh phí thực hiện là 107,192 tỷ đồng (UBND huyện Nam Giang, 2023). Huyện Tây Giang cũng cấp phát nhiều giống cây trồng, vật nuôi, đặc biệt các giống dược liệu, cây lâm nghiệp, hỗ trợ bồn inox 700 lít cho 592 hộ nghèo. Năm 2023, huyện đã cấp 10 tấn gạo cho hộ nghèo, 56.760kg gạo cho 1.321 hộ/3.784 khẩu thiếu đói giáp hạt dịp tết Quý Mão 2023 (UBND huyện Tây Giang, 2023b).

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế gia đình. Từ năm 2019 đến nay, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Nam Giang đã lập thủ tục vay vốn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ cho 4.452 hộ nghèo, cận nghèo và đồng bào DTTS, với tổng dư nợ cho vay 142,437 tỷ đồng; Nghị định 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho 99 hộ/4,980 tỷ đồng (UBND huyện Nam Giang, 2023). Tại huyện Tây Giang, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Tây Giang đã tiến hành cho vay đối với 03 đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo từ năm 2021 - 2023 là: 71.327 triệu đồng/2.736 khách hàng vay vốn (Huyện ủy Tây Giang, 2024).

- Thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực phát triển kinh tế, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm; bảo tồn văn hóa truyền thống; trợ giúp pháp lý; cấp phát thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ học đường; hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo;...

Kết quả triển khai thực hiện các chương trình giảm nghèo đã thay đổi cơ bản về hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm dần. Có cán bộ đã nhận xét: *“So với cách đây 20 năm thì Tây Giang đã có sự thay đổi hoàn toàn. Từ một địa phương không có điện, không có đường nhựa, toàn đường đất đến nay đã có đường giao thông cứng đến tận xã, thôn, có điện nên người dân rất phấn khởi”* (PVS. nam, cán bộ huyện Tây Giang). Người dân cũng có những chia sẻ theo hướng tích cực: *“Đời sống của người dân hiện nay tốt hơn so với ngày xưa, phần lớn là không thiếu ăn, không thiếu mặc. Nếu so với người dân ở bên Lào thì người dân ở đây có đời sống tốt hơn nhiều”* (PVS. nam, người Cơ Tu, xã Tr’hy, huyện Tây Giang).

Qua rà soát hộ nghèo của huyện Tây Giang, tỷ lệ hộ nghèo các năm đều giảm. So với năm 2022, các xã biên giới có tỷ lệ giảm nghèo khá cao, trung bình 6,9%; cao nhất 10,4% ở xã A Xan và thấp nhất 4,2% ở xã A Tiêng. Song, một số xã không đạt mức chỉ tiêu do tình giao, ví dụ xã Ga Ri chỉ đạt 56,25% so với kế hoạch, xã Ch’Om đạt trên 77%, xã A Vương đạt trên 90%. Qua phỏng vấn cho thấy, tỷ lệ giảm nghèo do dựa vào chỉ tiêu cấp trên giao nên phản ánh chưa thật đúng với bức tranh nghèo và giảm nghèo ở địa phương. Theo nhiều cán bộ và người dân, thực tế vẫn còn nghèo nhưng để đạt chỉ tiêu thì phải cho thoát nghèo. Hơn nữa, do tâm lý không muốn thoát nghèo để được hưởng các hỗ trợ của Nhà nước, một bộ phận người dân đã kê khai không trung thực về thu nhập và tài sản của gia đình. Việc giảm nghèo ở địa phương cũng chưa bền vững vì thường xuyên chịu nhiều tác động tiêu cực từ thiên tai như lũ lụt, sạt lở đất...

ảnh hưởng lớn đến đời sống và thu nhập của hộ gia đình. Trận lũ quét cuối năm 2020 đã ảnh hưởng đến 80% diện tích đất nông nghiệp của người dân xã A Tiêng, gây thiệt hại lớn đến thu nhập của đồng bào, đưa xã A Tiêng từ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 thành xã không đạt chuẩn vì thiếu một số tiêu chí, bao gồm tiêu chí thu nhập. Bên cạnh đó, không ít bất cập trong thực hiện chính sách giảm nghèo ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam cũng góp phần không nhỏ làm giảm hiệu quả của chính sách, việc giảm nghèo chưa nhanh.

3. Những bất cập trong thực hiện chính sách giảm nghèo

Như đã đề cập, tuy đã triển khai rất nhiều chính sách giảm nghèo, song tỷ lệ nghèo ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào tỉnh Quảng Nam vẫn ở mức cao; việc giảm nghèo vừa qua vẫn chưa thực sự bền vững, thể hiện sự tác động của chính sách chưa đạt được mục tiêu như kỳ vọng. Qua nghiên cứu cho thấy, nguyên nhân dẫn đến hiệu quả giảm nghèo nơi đây chưa cao là do tồn tại một số bất cập trong thực hiện chính sách như sau:

- Có quá nhiều chính sách giảm nghèo với các mức hỗ trợ khác nhau. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình 1719 đều có các nội dung liên quan đến giảm nghèo; chưa kể tới các dự án giảm nghèo được thực hiện theo các nghị quyết, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo các xã biên giới của Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 207 (Đoàn 207). Do xuất phát từ các nguồn vốn khác nhau nên mức đầu tư của các chương trình, dự án này cũng khác nhau, ví dụ mức hỗ trợ xây dựng nhà của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình 1719 là 40 triệu đồng/hộ nghèo (mới nâng mức hỗ trợ lên 60 triệu đồng) theo tiêu chí 3 cứng (nền cứng, khung tường cứng, mái cứng), trong khi mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 23 của tỉnh Quảng Nam là 125 triệu đồng. Hay như việc cấp bò cho hộ nghèo theo Chương trình 1719 ở huyện Nam Giang, mỗi hộ nghèo được cấp 3 con bò, trong khi dự án hỗ trợ hộ nghèo của Đoàn 207 cấp 1 con bò/hộ nghèo. Theo quy định, mỗi hộ nghèo chỉ được nhận hỗ trợ một lần, do các định mức chi khác nhau nên các hộ gia đình được lựa chọn không muốn nhận hỗ trợ từ các chính sách có mức hỗ trợ thấp hơn.

- Mức hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia thấp hơn so với mức chi thực tế của địa phương. Ở các xã biên giới, do đường giao thông khó khăn, nguyên vật liệu xây dựng tại chỗ khan hiếm, chủ yếu vận chuyển từ địa phương khác đến nên có giá cả cao hơn nhiều so với các địa bàn vùng thấp. Với mức hỗ trợ thấp, việc thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng gặp khó khăn, chất lượng một số công trình đạt thấp do nhiều nguyên nhân. Ví dụ, mức đầu tư hỗ trợ một kilomet đường giao thông của Chương trình 1719 là 1,6 tỷ đồng nhưng thực tế chi phí xây dựng tại địa phương phải là 5 - 6 tỷ đồng mới đạt được chất lượng (Thảo luận nhóm cán bộ tỉnh Quảng Nam). Các công trình giao thông sau đó lại cần chi phí duy tu, bảo dưỡng lớn do địa hình dốc, mưa lũ và xe đi lại thường xuyên gây hỏng đường: “*Hỏng miết, cứ sau một trận mưa là phải sửa lại đường, sửa miết*” (PVS. nam, cán bộ huyện Tây Giang). Hoặc mức hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia cho xây dựng nhà mới là 40 triệu đồng

nhưng thực tế chi trả tại địa phương phải là 120 đến 200 triệu đồng mới đủ để làm nhà theo mục tiêu 3 cứng. Vì thế, các hộ nghèo không có tiền để làm nhà, đặc biệt các hộ neo đơn, người già đều từ chối nhận hỗ trợ. Các hộ nhận hỗ trợ làm nhà phải vay thêm vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Theo kết quả nghiên cứu thực địa, phần lớn các hộ dân ở Nam Giang và Tây Giang vay nợ ngân hàng đều chủ yếu là để xây dựng nhà cửa, rất ít hộ vay với mục đích đầu tư phát triển sản xuất.

- Nguồn ngân sách được cấp hàng năm rất muộn, thường từ tháng 3 đến tháng 6; một số nguồn ngân sách bổ sung được cấp vào cuối năm nên việc triển khai chính sách thiếu chủ động, giải ngân đạt thấp. Ở huyện Nam Giang, việc giải ngân vốn của nhiều chương trình không đạt kế hoạch, phải chuyển vốn sang các năm sau nhưng vẫn chưa thực hiện được. Nhiều chương trình mục tiêu quốc gia ở huyện Tây Giang chỉ giải ngân khoảng 10% năm 2023, không ít chương trình không giải ngân được. Với các chương trình hỗ trợ giống cây trồng, nguồn ngân sách cấp muộn nên việc thu mua giống và cấp phát cho người dân không đúng thời vụ, dẫn đến tỷ lệ cây trồng thành công đạt thấp. Mùa vụ thích hợp để trồng cây thường vào đầu năm khi thời tiết còn mát mẻ và có những cơn mưa đầu mùa. Song, do nguồn vốn đến chậm, các cây giống lương thực, dược phẩm, cây ăn quả, cây lâm nghiệp..., chỉ được cung cấp cho người dân vào các thời điểm mùa nắng nóng, ít mưa hoặc mưa lụt, dẫn đến tỷ lệ cây sống đạt thấp. Một cán bộ địa phương chia sẻ: *“Nguồn ngân sách cấp muộn, áp lực giải ngân lớn nên các loại cây, con giống thường cấp không đúng thời vụ, mùa nắng rất nóng, cuối năm mưa lũ nên trồng cây thường không lên, cây chết nhiều. Địa phương cũng hay bị dịch bệnh nên các con giống tỷ lệ sống sót đạt thấp, chưa hiệu quả trong giảm nghèo”*. Khi được hỏi tại sao không chuyển vốn sang năm sau để phù hợp với mùa vụ thì được trả lời: *“Khi nhận được ngân sách thì phải cố gắng giải ngân ngay, nếu chuyển vốn thì sợ sang năm sẽ bị cắt tiền”*. Một người dân nói: *“Gia đình nhận được hơn 1.500 cây keo giống, 50 cây cam Vinh, 300 cây mít Thái từ các chính sách Nhà nước nhưng khi trồng bị chết hơn một nửa; cây cấp lúc trời nóng quá nên chết khô nhiều”* (PVS. nữ, dân tộc Giê Triêng, xã Đắc Tôi, Nam Giang). *“Bò được cấp thì chết hơn một nửa, con còn sống cũng rất gầy, yếu. Bò của Nhà nước cấp thường không chịu ăn dù người dân chịu khó chăm sóc, đi ngoài ra máu nhiều, thường chỉ một tuần là chết. Heo, gà được cấp thì chết hết cả. Chủ yếu là chúng không hợp thời tiết trên này”* (PVS. nữ, dân tộc Cơ Tu, xã Tr’hy, Tây Giang).

- Nguyên nhân khác dẫn đến giải ngân vốn diễn ra vào 6 tháng cuối năm là do năng lực cấp xã trong triển khai thực hiện chính sách còn hạn chế, ngỡ khi thực hiện các thủ tục triển khai dự án. Trước kia, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo thường do cấp huyện làm chủ đầu tư, các xã chỉ tiếp nhận, thụ hưởng. Hiện nay, cấp xã trực tiếp làm chủ đầu tư, chưa quen với các thủ tục xây dựng dự án, đấu thầu, thanh quyết toán nên gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian. Hầu hết cấp xã hiện nay đều phải đi thuê hoặc nhờ các đơn vị tư vấn thực hiện các hồ sơ, giấy tờ pháp lý. Chưa kể tới nhiều chính sách còn thiếu hoặc chậm ban hành các hướng dẫn, khiến các cấp chính quyền lúng túng khi triển khai thực hiện dự án.

- Khi triển khai chính sách, các cấp chính quyền thường chú trọng đến khâu cấp phát đúng đối tượng, chưa quan tâm hỗ trợ kỹ thuật, giám sát, hướng dẫn người dân sử dụng, phát triển nguồn vốn hỗ trợ để đạt hiệu quả. Tại các điểm nghiên cứu, các cấp chính quyền rất nỗ lực trong cấp phát số lượng lớn các loại cây, con giống cho các hộ nghèo theo nhu cầu các hộ đã tự đăng ký, rồi hướng dẫn kỹ thuật cho người dân qua việc mở các lớp tập huấn, cấp tài liệu dưới dạng văn bản. Song, đa phần người DTTS ở biên giới có trình độ dân trí hạn chế nên khó tiếp cận các tài liệu tập huấn kỹ thuật. Hơn nữa, hướng dẫn kỹ thuật qua khuyến nông, khuyến lâm huyện và cán bộ địa phương chưa trùng khớp nhau, nên người dân không biết phải làm thế nào. Một hộ nghèo nói: *“Gia đình tôi nhận được 1.000 cây quế, cán bộ khuyến nông huyện tập huấn trồng cây cách nhau 2 mét, cán bộ bên kiểm lâm thì bảo trồng cây cách 3 mét. Cuối cùng nhà tôi trồng cách nhau 1 mét vì bà con ở đây ai cũng trồng thế do đất xấu. Giờ số cây sống được chỉ còn 100 - 200 cây, do gia đình mua ngoài về trồng dặm thêm”* (PVS. nữ, người Cơ Tu, xã Tr’hy, huyện Tây Giang). Do trồng cây quá sát lại không đúng thời vụ nên cây không phát triển.

Các loại vật nuôi được cấp phát không được hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi nên thường chết bệnh nhiều: *“Được phát 3 con bò thì bị lở mồm, long móng hai con, báo thú y nhưng không ai xuống, gia đình phải mua thuốc bên ngoài nên cứu được một con, sau đó nó lại bị một cái lỗ ở cổ nhưng chúng tôi cũng không để ý, cuối cùng nó chết. Chỉ còn một con sống sót nhưng gầy lắm. Mỗi khi bò chết, chúng tôi đều chụp ảnh, gọi chính quyền xuống chứng kiến. Lợn thì bị dịch tả lợn châu Phi cũng chết hết”* (PVS. nữ, xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang). Người dân đánh giá cao hơn về sự hỗ trợ sau cấp phát của Đoàn 207: *“Bò của chính quyền cấp thì dân phải tự lo, ốm thì phải tự mua thuốc chứ gọi thú y cũng không đến, mà thực ra họ cũng không chữa được. Bò của Đoàn 207 cấp phát, nếu gọi là họ đến luôn nên bò được cấp của Đoàn 207 vẫn sống nhiều hơn”* (PVS. nữ, xã Đắc Tôi, Nam Giang). Ngoài chết dịch, ngã chết vì chưa quen địa hình, ngạt chết do người dân buộc dây ở cổ rồi cột chặt vào gốc cây để bò không đi xa..., còn có nguyên nhân một bộ phận người dân bị dụ dỗ, bán bò cho các đối tượng trục lợi ngay sau khi cấp phát. Một cán bộ Đoàn 207 cho biết: *“Một số đối tượng trục lợi từ việc mua lại bò sau cấp phát cho người dân. Ví dụ con bò có giá trị 10 triệu đồng, vừa giao cho dân thì đối tượng đến mua lại với giá 9 triệu đồng. Dân ở đây thấy thế thì bán ngay. Do thiếu cơ chế giám sát sau cấp phát nên dẫn đến tình trạng này”* (Thảo luận nhóm, Đoàn 207).

- Chủ trương cấp phát cho hộ nghèo dựa trên nhu cầu của người dân là điểm mới của các chính sách giảm nghèo thời gian gần đây. Tuy vậy, khi triển khai tại các huyện biên giới Quảng Nam lại nảy sinh nhiều bất cập từ quan niệm, nhận thức của người dân. Ví dụ về cấp phát cây giống, người dân đăng ký số lượng giống và loại cây giống thuộc chương trình, nhưng các cây giống được cấp phát đều thuộc cây thương mại, không phải các giống mà dân quen trồng nên cũng không biết loại cây nào phù hợp với thời tiết, đất đai ở địa phương. Các cấp chính quyền cũng không biết loại cây trồng nào phù hợp dẫn đến việc tư vấn cho người

dân còn gặp khó khăn. Có hộ nghèo thiếu đất sản xuất vẫn đăng ký nhận cây giống. Đặc biệt huyện Tây Giang muốn cấp phát cho mỗi hộ nghèo 2 con bò để làm đòn bẩy thúc đẩy sản xuất, song người dân lại phản đối, chỉ nhận một con bò vì họ cho rằng số hộ nghèo tại địa phương còn rất nhiều, nên nhường cho những hộ nghèo khác nữa mới công bằng.

- Trong các chương trình giảm nghèo còn thiếu cơ chế hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho người dân, dẫn đến tình trạng sản xuất ra không bán được hoặc bán với giá thấp, ảnh hưởng tới thu nhập của gia đình. Địa hình biên giới nơi đây chủ yếu là đồi núi cao, xa trung tâm, đường đi lại chất lượng xấu, giao lưu hàng hóa với vùng thấp gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, ít có tổ chức, cá nhân lên vùng biên giới thu mua sản phẩm của bà con do hàng hóa bị đội giá, khó cạnh tranh. Các cấp chính quyền địa phương và Đoàn 207 tuy đã có nhiều nỗ lực hỗ trợ quảng bá sản phẩm cho người dân, vận chuyển một số sản phẩm xuống Đà Nẵng và địa phương khác để bán hộ nhưng số lượng vẫn chưa nhiều, các nông sản như gừng, ba kích..., bị hạ giá thành. Một số cây trồng từ các dự án giảm nghèo không bán được hoặc giá thành thấp, ví dụ cây bời lời người dân trồng hơn chục năm nhưng hiện tại không có người thu mua, dân không biết bán cho ai; giá thu mua mủ cây cao su của công ty cao su quá thấp, người dân không muốn trồng nữa do công lao động thấp.

- Các chương trình giảm nghèo chỉ tập trung vào đối tượng hộ nghèo, chưa chú trọng đến các đối tượng khác. Chỉ đến gần đây, Chương trình 1719 mới chú ý đến hộ cận nghèo với tỷ lệ 70% hộ nghèo, 30% hộ cận nghèo. Do hộ nghèo nhận được nhiều hỗ trợ từ các chương trình nên người dân không muốn thoát nghèo; nhiều người khi kê khai còn giấu tài sản để vẫn được công nhận hộ nghèo. Có cán bộ địa phương nhận xét: *“Chương trình cho hộ nghèo quá nhiều rồi, với các hỗ trợ như thế thì hộ nào có khả năng cũng đã thoát nghèo, còn lại là các hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo nên rất khó. Nếu hỗ trợ nhiều quá người dân không muốn được công nhận thoát nghèo nữa, chỉ muốn nghèo để nhận hỗ trợ”* (PVS. nam, cán bộ xã A Tiêng, Tây Giang).

Kết luận và khuyến nghị

Như đã phân tích, khu vực biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Nam vẫn còn tỷ lệ hộ nghèo rất cao tuy người dân đã nhận được các mức đầu tư, hỗ trợ rất lớn của Đảng, Nhà nước và địa phương. Mặc dù việc đầu tư, hỗ trợ từ thực hiện các chính sách giảm nghèo đạt được nhiều kết quả về xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân; song, do điều kiện đặc thù về tự nhiên và dân cư, việc giảm nghèo vẫn chưa đạt được hiệu quả mong muốn, tỷ lệ giảm nghèo chưa bền vững. Qua nghiên cứu cho thấy, vấn đề này có nguyên nhân xuất phát từ việc thực thi các chính sách giảm nghèo, gồm: (1) cơ chế thực hiện, nguồn vốn cấp phát chậm, muộn; (2) thiếu hụt văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách cùng với năng lực hạn chế của đội ngũ cán bộ cấp xã trong công tác giảm nghèo; (3) thiếu cơ chế hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; (4) chưa chú ý đến các đối tượng thoát nghèo;... Các chương trình giảm nghèo nhìn chung mới chỉ cố gắng hỗ trợ cho đúng đối tượng hộ nghèo, chưa quan

tâm nhiều đến hiệu quả của các hỗ trợ, thiếu cơ chế giám sát thực hiện chính sách. Để nâng cao hiệu quả của các chính sách giảm nghèo ở nơi biên giới Việt Nam - Lào, bài viết đề xuất một số khuyến nghị sau:

- Cần lồng ghép các chính sách giảm nghèo nhằm tránh sự chồng chéo chính sách, chú ý nhiều hơn đến các đặc thù địa phương để có các mức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo chất lượng các công trình đầu tư và đời sống của người dân. Việc yêu cầu các địa phương và người dân có vốn đối ứng trong giảm nghèo gây khó khăn cho các xã khu vực biên giới Việt Nam - Lào, không chỉ ở tỉnh Quảng Nam, vì hầu hết các địa phương này đều nghèo, nguồn thu ngân sách không đủ chi nên không thể đáp ứng yêu cầu vốn đối ứng. Người dân địa phương có tỷ lệ nghèo cao, thậm chí nhiều hộ còn bị thiếu đói tại một số thời điểm trong năm nên không có dự trữ để làm vốn đối ứng, phần lớn họ phải đi vay nợ Ngân hàng Chính sách xã hội và khó có khả năng trả nợ.

- Nguồn ngân sách nên được cấp sớm hàng năm để các cấp chính quyền địa phương chủ động triển khai thực hiện các chương trình đúng thời hạn, đúng thời vụ. Trong trường hợp nguồn vốn được cấp phát muộn, có thể cho phép các địa phương tiến hành thanh toán muộn từ 3 đến 6 tháng, tùy thuộc vào việc chậm, muộn của nguồn vốn được cung cấp.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ cấp xã, bao gồm cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên trách về công tác giảm nghèo và kế toán để có khả năng thực hiện các yêu cầu, quy định liên quan đến các thủ tục triển khai thực hiện chương trình, dự án giảm nghèo tại địa phương vùng biên giới.

- Cần chú ý đến việc hỗ trợ, giám sát thực hiện sau cấp phát các nguồn hỗ trợ giảm nghèo để người dân tăng hiệu quả các nguồn hỗ trợ, thực sự nâng cao đời sống của mình, tránh thất thoát, lãng phí nguồn lực. Hỗ trợ người dân tìm hiểu, đề xuất các loại hình kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương, năng lực sản xuất và văn hóa của đồng bào. Hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa cho người dân ở các vùng sâu, vùng xa thông qua ưu đãi thuế hoặc hỗ trợ giá cho các doanh nghiệp kinh doanh, doanh nghiệp xã hội khi thu mua các sản phẩm của người dân vùng biên giới.

- Có thể xem xét việc thay đổi cách tiếp cận đối với giảm nghèo. Thay vì chỉ chú ý vào các đối tượng nghèo, hãy tập trung đầu tư cho các hộ có năng lực, có ý chí, trách nhiệm, mong muốn được phát triển kinh tế để các hộ này khá lên, làm động lực và tấm gương cho người khác thoát nghèo. Cũng có thể xây dựng các mô hình kinh tế theo nhóm hộ với các hộ có năng lực, kinh tế khá hơn làm nòng cốt, hỗ trợ các hộ nghèo trong cách thức làm ăn, phát triển kinh tế.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã La Dêê (2023), *Lịch sử đấu tranh cách mạng và xây dựng xã La Dêê (1945 - 2020)*.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2024), *Quyết định số 134/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/1/2024 về việc công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025*.

3. Huyện ủy huyện Tây Giang (2024), *Báo cáo công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021 và Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy trên địa bàn huyện Tây Giang.*
4. Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang (2023), *Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang phục vụ buổi làm việc với Viện Dân tộc học năm 2023.*
5. Ủy ban nhân dân huyện Tây Giang (2022), *Báo cáo triển khai chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
6. Ủy ban nhân dân huyện Tây Giang (2023a), *Báo cáo sơ kết 03 năm (2021 - 2023) thực hiện Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn huyện.*
7. Ủy ban nhân dân huyện Tây Giang (2023b), *Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Tây Giang giai đoạn 2021 - 2025.*
8. Ủy ban nhân dân huyện Tây Giang (2024), *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Tây Giang lần thứ IV năm 2024.*
9. Ủy ban nhân dân xã A Tiêng (2022), *Đề án Phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã A Tiêng, huyện Tây Giang.*
10. Ủy ban nhân dân xã Đắc Tôi (2024), *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024, đề xuất chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 2025.*
11. Ủy ban nhân dân xã La Dêê (2023), *Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm và phương hướng 6 tháng cuối năm 2023.*
12. Ủy ban nhân dân xã Tr'hy (2023), *Báo cáo thành tích đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tây Giang tặng Giấy khen tập thể Ủy ban nhân dân xã Tr'hy đã có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và thông tin truyền thông năm 2022.*